BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TƯ PHÁP

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2012/TTLT-BTC-BTP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 35/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/02/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như sau:

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Thông tư này quy định các nội dung sau:

a) Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bồi thường từ ngân sách nhà nước để thực hiện trách nhiệm bồi thường nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố

tụng, thi hành án (sau đây gọi tắt là kinh phí bồi thường); chi phí thực hiện việc giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường; thu nộp tiền hoàn trả của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại;

b) Lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường.

2. Việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, các loại thiệt hại được bồi thường, xác định số tiền hoàn trả, thủ tục bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng hành chính được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường nhà nước trong các hoạt động đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án; người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và hoàn trả tiền bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của cơ quan, người thi hành công vụ gây ra được bồi thường theo quy định tại Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường theo quy định tại Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí bồi thường:

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí bồi thường đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan Trung ương);

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí bồi thường đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường là các Sở, ban, ngành địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan địa phương).

2. Kinh phí thực hiện việc giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường được sử dụng trong dự toán chi quản lý hành chính của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về bồi thường.

Chương 2
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ kinh phí bồi thường

1. Hàng năm, căn cứ thực tế bồi thường năm trước, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành trung ương lập dự toán, tổng hợp dự toán kinh phí bồi thường của cơ quan trung ương trình Chính phủ, trình Quốc hội xem xét quyết định trong dự toán ngân sách trung ương; Sở Tài chính phối hợp với Sở, ban, ngành địa phương lập dự toán kinh phí bồi thường và tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định.

2. Kinh phí bồi thường chỉ được phân bổ cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường khi có yêu cầu chi trả tiền bồi thường hợp lệ.

Điều 5. Sử dụng kinh phí bồi thường

1. Khi phát sinh yêu cầu chi trả tiền bồi thường theo bản án, quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan có trách nhiệm bồi thường chủ động rút dự toán chi quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao (nếu còn) để ứng chi trả cho người bị thiệt hại. Trên cơ sở kinh phí đã chi trả cho người bị thiệt hại, cơ quan có trách nhiệm bồi thường tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính bổ sung kinh phí bồi thường để hoàn trả kinh phí đã ứng trả cho người bị thiệt hại.

2. Trường hợp khi phát sinh yêu cầu chi trả bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường không còn đủ dự toán để ứng trả cho người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này thì lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định để chi trả cho người bị thiệt hại.

Điều 6. Thủ tục bổ sung, cấp kinh phí bồi thường

1. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã ứng dự toán để chi trả cho người bị thiệt hại:

Trong trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã ứng kinh phí để chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc bồi thường theo quy định tại bản án, quyết định giải quyết bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường tập hợp các hồ sơ liên quan gửi cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thẩm định, bổ sung

kinh phí. Thời gian thẩm định cấp bổ sung kinh phí theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường có cơ quan Quản lý cấp trên thì gửi hồ sơ đến cơ quan Quản lý cấp trên để thẩm định gửi cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xem xét bổ sung kinh phí. Thời gian thẩm định và bổ sung kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường không ứng dự toán để ứng trả cho người bị thiệt hại.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải lập hồ sơ đề nghị bồi thường gửi cơ quan tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để xem xét cấp bổ sung kinh phí bồi thường. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường có cơ quan quản lý cấp trên thì phải gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý cấp trên để thẩm định.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhận được hồ sơ có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đề nghị bồi thường, thẩm định kinh phí bồi thường để có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để xem xét cấp bổ sung kinh phí bồi thường.

c) Hồ sơ đề nghị bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan nhận được hồ sơ hướng dẫn cơ quan có trách nhiệm bồi thường bổ sung hồ sơ hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường cho phù hợp. Thời hạn bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường hợp lệ, cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí (Bộ Tài chính đối với cơ quan trung ương có trách nhiệm bồi thường hoặc Sở Tài chính đối với cơ quan địa phương có trách nhiệm bồi thường) có trách nhiệm cấp bổ sung kinh phí cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường để chi trả cho người bị thiệt hại. Trường hợp đối với những vụ việc phức tạp, có số tiền lớn cần phải kiểm tra xem xét, cơ quan tài chính trao đổi với cơ quan quản lý nhà nước về bồi thường và cơ quan liên quan để tạm ứng kinh phí chi trả tiền bồi thường. Sau khi cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoàn chỉnh hồ sơ bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của cá nhân, tổ chức thì có văn bản gửi cơ quan tài chính để thẩm tra và thông báo dự toán ngân sách bổ sung.

Điều 7. Thực hiện chi trả tiền bồi thường

1. Sau khi rút dự toán chi quản lý hành chính hoặc sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải tổ chức thực hiện việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại hoặc thân nhân người bị thiệt hại (sau đây gọi chung là người được nhận tiền bồi thường).

2. Việc chi trả phải thực hiện một lần bằng tiền mặt cho người được nhận tiền bồi thường hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người nhận tiền bồi thường và phải được thông báo trước ít nhất là 02 ngày cho người nhận tiền bồi thường để bố trí việc nhận tiền bồi thường. Trường hợp người được nhận tiền bồi thường có yêu cầu trả bằng chuyển khoản thì thực hiện theo yêu cầu của người chuyển khoản và thông báo cho người nhận tiền biết.

3. Việc chi trả tiền bồi thường phải được lập thành biên bản phù hợp với hình thức chi trả hướng dẫn tại khoản 2 Điều này, mỗi bên tham gia giao nhận tiền bồi thường giữ 01 bản.

Điều 8. Quyết toán kinh phí bồi thường

1. Việc quyết toán kinh phí bồi thường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Kết thúc năm ngân sách, cơ quan có trách nhiệm bồi thường lập quyết toán kinh phí đã chi trả bồi thường, tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách hàng năm gửi Bộ Tài chính (đối với cơ quan trung ương), gửi Sở Tài chính (đối với cơ quan địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường có cơ quan quản lý cấp trên do ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí bồi thường lập quyết toán kinh phí đã chi trả bồi thường, tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan gửi cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Thu, nộp tiền hoàn trả

1. Người thi hành công vụ có lỗi gây ra thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước khoản tiền mà nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc thu nộp, quản lý, sử dụng tiền hoàn trả thực hiện theo quy định tại Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Một số nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Căn cứ quyết định hoàn trả ngân sách nhà nước, thủ trưởng cơ quan được ngân sách nhà nước cấp kinh phí để thực hiện việc bồi thường có trách nhiệm đôn đốc người có trách nhiệm hoàn trả, phối hợp với thủ trưởng cơ quan có người thi hành công vụ liên quan đến việc hoàn trả để kịp thời thu hồi tiền hoàn trả và nộp vào ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước trên địa bàn theo quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

b) Đối với trường hợp việc hoàn trả được thực hiện bằng cách trừ dần vào lương hàng tháng của người thi hành công vụ thì mức tối thiểu không dưới 10% và mức tối đa không quá 30% thu nhập từ tiền lương hàng tháng. Thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ, công chức phải thực hiện việc hoàn trả có trách nhiệm trích tiền lương hàng tháng của cán bộ, công chức phải hoàn trả theo tỷ lệ đã được Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả quyết định để nộp vào ngân sách nhà nước cấp đã chi để thực hiện việc bồi thường thiệt hại.

Mục 2
KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BỒI THƯỜNG

Điều 10. Nội dung chi thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường

1. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Chi phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với những vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp hoặc mang tính chuyên môn sâu thuộc nhiều lĩnh vực do người đứng đầu cơ quan quyết định việc lấy ý kiến.

4. Chi định giá tài sản, giám định thiệt hại về tài sản và giám định thiệt hại về sức khoẻ để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước.

5. Chi họp liên ngành với các cơ quan trung ương, địa phương để xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại hoặc cơ quan có trách nhiệm bồi thường yêu cầu.

6. Chi tổ chức các đoàn công tác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để: xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại hoặc cơ quan có trách nhiệm bồi thường yêu cầu; theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc giải quyết bồi thường; theo dõi, đôn đốc việc chi trả tiền bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

7. Chi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường và quản lý nhà nước về công tác bồi thường cho các cán bộ, công chức làm công tác bồi thường nhà nước.

8. Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết phục vụ công tác quản lý nhà nước về bồi thường.

9. Chi thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát, rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi thường nhà nước.

10. Chi khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về bồi thường.

Điều 11. Mức chi

1. Đối với nội dung chi đã có quy định cụ thể về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành (theo Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này).

2. Đối với nội dung chi cho các hoạt động quản lý chuyên ngành về công tác bồi thường nhà nước chưa có quy định mức chi cụ thể, thì thủ trưởng đơn vị vận dụng các quy định của pháp luật hiện hành đối với các hoạt động tương tự.

Điều 12. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về bồi thường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương 3
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2012.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Phạm Quý Tỵ	**Trương Chí Trung**

Phụ lục

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LÀM CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG

(*Kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 09 tháng 5 năm 2012 của liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp*)

STT	Nội dung chi	Văn bản áp dụng
1	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật
2	Chi phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật
3	Chi lấy ý kiến chuyên gia theo quy định tại khoản 3 Điều 10	Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
4	Chi định giá tài sản, giám định thiệt hại về tài sản và giám định thiệt hại về sức khỏe theo quy định tại khoản 4 Điều 10	Chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật đối với từng vụ việc
5	Chi họp liên ngành theo quy định tại khoản 5 Điều 10	Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

STT	Nội dung chi	Văn bản áp dụng
6	Chi đi công tác theo quy định tại khoản 6 Điều 10	Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
7	Chi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường và nghiệp vụ quản lý nhà nước về bồi thường quy định tại khoản 7 Điều 10	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
8	Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết phục vụ công tác quản lý nhà nước về bồi thường quy định tại khoản 8 Điều 10	Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
9	Chi thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát, rà soát, thống kê tổng hợp số liệu	Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê
10	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại khoản 9 Điều 10	Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức chi tạo lập thông tin điện tử